

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 15- 8- 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà, bà Trần Thị Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hợp tác xã N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức danh: Giám đốc HTX
Kiêm chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Đức T

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

+ Chị Bùi Thị T

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt ông Lê Văn Q; Vắng mặt bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức T và chị Bùi Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T trú tại thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian làm mía đường gia đình bà H, ông T có nợ tiền đầu tư phân bón và giống mía của Hợp tác xã N cũ (Nay là Hợp tác xã N) tính đến ngày 30/6/2020 số tiền là 91.542.000 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Qua nhiều lần cam kết trả nợ nhưng bà H và ông T không trả nợ cho Hợp tác xã như đã cam kết. Hợp tác xã N yêu cầu bà H và ông T phải trả số tiền nợ là 91.542.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ 30/6/2020 đến khi bà H và ông T trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị H trình bày: Trong thời gian gia đình bà trông mía gia đình bà không nợ hợp tác xã bất kỳ khoản tiền nào. Hằng năm hợp tác xã có đưa giấy cho bà ký bà có ký vào một số giấy tờ, tuy nhiên bà không biết đó là giấy tờ chót nợ, bà chỉ nghĩ đó là giấy tờ thanh toán tiền mía. Đến nay hợp tác xã yêu cầu gia đình bà trả nợ bà không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Đức T trình bày.

Trong thời gian gia đình ông trông mía đường gia đình ông không nợ hợp tác xã bất kỳ khoản tiền nào. Vợ ông là bà H ký giấy tờ với hợp tác xã thế nào ông không biết. Ông được biết số tiền nợ trên là số tiền con gái ông là Bùi Thị T trong thời gian con gái ông làm ở hợp tác xã thì có nợ tiền hợp tác xã. Tuy nhiên hợp tác xã lại chuyển khoản tiền nợ đẩy sang cho vợ, chồng ông. Đến nay hợp tác xã yêu cầu gia đình ông trả nợ ông không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa chị Bùi Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc tham gia tố tụng, triệu tập ông chị Bùi Thị T để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Hợp tác xã N (Sau đây viết tắt là HTX N) khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T trả cho Hợp tác xã số tiền nợ tiền vay đầu tư trồng mía. Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự là bà H và ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. BàBùi Thị H, ông Bùi Đức T và chị Bùi Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật: BàBùi Thị H và ông Bùi Đức T nợ tiền vay đầu tư trồng mía của Hợp tác xã N. Đến ngày 07/6/2019 và ngày 30/3/2020 hai bên đã có văn bản chốt nợ và cam kết ngày trả. Do đó xác định giao dịch dân sự giữa Hợp tác xã N với bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức T được thực hiện là quan hệ “tranh chấp hợp đồng dân sự”. Đáp ứng đủ điều kiện của giao dịch theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] BàBùi Thị H trình bày gia đình bà không nợ hợp tác xã tiền đầu tư trồng mía, bà có ký vào văn bản chốt công nợ nhưng bà không được đọc nội dung mà tưởng là giấy tờ thanh toán tiền mía. Ông T trình bày số nợ trên là số tiền nợ của con gái ông là Bùi Thị T nợ của hợp tác xã và chuyển sang cho vợ, chồng ông. Tuy nhiên bà H và ông T không chứng minh được yêu cầu của mình, chị T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Theo tài liệu, chứng cứ đại diện hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Ngọc Tiến xuất trình đều thể hiện qua các vụ ép năm 2017 – 2018; 2018 – 2019; 2019 – 2020 thì Hợp tác xã trừ tiền bán mía của gia đình bà H, ông T vào tiền nợ, bà H đều ký vào các biên bản làm việc có nội dung trừ tiền bán mía vào tiền nợ và chốt nợ còn lại. Việc trừ tiền này thể hiện trong biên bản phù hợp với các phiếu nhập mía của gia đình bà H, ông T mà hợp tác xã giao nộp cho Tòa án. Do đó yêu cầu của bà H và ông T không được chấp nhận, không có đủ căn cứ để xác định số tiền nợ trên là tiền nợ của chị Bùi Thị T với hợp tác xã.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của HTX N, HĐXX thấy: Bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T có nợ HTX Ngọc Trạo tính đến ngày 14/9/2017 số tiền là 84.224.000 đồng (Tám mươi tư triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Đến ngày 30/3/2020 hai bên đã làm việc với nhau và có văn bản với nội dung chốt khoản nợ gồm tiền gốc, tiền lãi phát sinh và trừ nợ qua phương án mía số tiền nợ tính đến ngày 31/12/2019 là 80.981.920 đồng. Đến ngày 19/11/2020 hai bên tiếp tục có biên bản làm việc chốt và thu hồi công nợ và chốt nợ số tiền nợ tính đến ngày 30/6/2020 cả tiền gốc và tiền lãi là 91.542.332

đồng. Bản thân bà H cũng thừa nhận đã ký vào các biên bản làm việc và văn bản chốt công nợ. Do đó hợp đồng dân sự giữa Hợp tác xã N với bà H là hợp pháp. Tại biên bản làm việc ngày 30/3/2020 có cam kết ngày thực hiện nghĩa vụ trả tiền là ngày 30/6/2020 tuy nhiên đến nay bà H và ông T vẫn chưa trả được tiền nợ cho Hợp tác xã và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Hợp tác xã Ngọc Tiến buộc bà H và ông T phải trả cho Hợp tác xã N số tiền nợ theo Biên bản chốt công nợ là 91.542. 000 đồng.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi: Theo như yêu cầu Hợp tác xã N yêu cầu tính lãi đối với số tiền 91.542. 000đ (Chín mươi một triệu năm trăm bốn mươi hai đồng) với lãi suất 1%/tháng, lãi suất phát sinh tính từ ngày 30/6/2020 đến khi bà H và ông T trả hết nợ. Việc yêu cầu tính tiền lãi trên là phù hợp với phương án kinh doanh của Hợp tác xã, bản thân bà H cũng thừa nhận việc nợ tiền đầu tư phân bón phải chịu tiền lãi, điều này thể hiện qua diễn biến quá trình nợ tiền đầu tư phân bón và qua các lần chốt công nợ giữa hai bên. Do đó chấp nhận yêu cầu về trả tiền lãi của hợp tác xã kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Ngọc Tiến.

Lãi suất phát sinh từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử ngày 15/8/2022 là 25 tháng 15 ngày, số tiền lãi sẽ là: $91.542.000 \text{ đ} \times 1\% \times 25 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 23.343.210 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 23.343.000 đồng)

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N được chấp nhận nên bà H và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả nợ là: $114.885.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.744.250 \text{ đồng}$ (Làm tròn số là 5.744.000 đồng). Hợp tác xã N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N.

Buộc bà Bùi Thị H và ông Bùi Đức T phải trả cho Hợp tác xã N số tiền gốc và lãi 114.885.000 đ (Một trăm mười bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 91.542.000đ (Chín mươi một triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng) và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 23.343.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1 %/ 1 tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T phải chịu 5.744.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hợp tác xã N được hoàn trả lại số tiền 2.288.000đ (Hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007513 ngày 13/12/2021.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện Hợp tác xã N. Vắng mặt bàBùi Thị H, ông Bùi Đức T, chị Bùi Thị T. Hợp tác xã N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. BàBùi Thị H, ông Bùi Đức T, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

